TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 04/2019/QĐST-DS	*Nghệ An, ngày 19 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 20/2016/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2016 và các văn bản đồng ý của các đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của những người vắng mặt.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành và kể từ ngày nhận được biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Ông Trần Thượng H1, sinh năm 1944; Trú tại: Xóm 5, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

***- Bị đơn*:** Ông Trần Thượng H2, sinh năm 1939; Trú tại: Xóm 6, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T – Luật sư Văn phòng Luật sư Hà Vinh, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An: Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Hữu A; Chức vụ: Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Y.

2. Bà Vương Thị X, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm 6, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

3. Ông Trần Thượng H3, sinh năm 1947; địa chỉ: Khối 12, phường Tr, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

4. Ông Trần Thượng S, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm 5, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

5. Ông Trần Thượng D, sinh năm 1954; địa chỉ: Khối 12, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

6. Anh Trần Văn Th, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 6, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

7. Anh Trần Thượng C1, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 4, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

8. Anh Trần Tiến D, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm Quang Trung, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

9. Anh Dương Xuân S, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 6, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

10. Họ Trần Thượng (Chi 3); địa chỉ: Xóm 6, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An; gồm:

+ Ông Trần Thượng T, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 2, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Trần Thượng Th, sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm 6, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Trần Thượng H4, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 6, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Trần Thượng C2, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm 6, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Trần Thượng T2, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 6, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Trần Thượng H5, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 6, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Trần Thượng V, sinh năm 1941; địa chỉ: Xóm H, xã Ch, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Trần Thượng H6, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 8, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Trần Thượng Tr, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 2, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền của các ông trên là: Ông Trần Thượng H1, sinh năm 1944 và ông Trần Thượng S, sinh năm 1948; địa chỉ: Xóm 5, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Trần Thượng L1, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 2, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Trần Thượng H7, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 2, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Trần Thượng L2, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 2, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An;

+ Anh Trần Thượng H7, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Trần Thượng H8, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 6, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Trần Thượng H10, sinh năm 1985; địa chỉ: Số nhà 25, Dương Văn A, thành phố Nh, tỉnh Khánh Hòa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chia thửa đất số 63 tờ bản đồ số 17 hiện gia đình ông Trần Thượng H2 và bà Vương Thị X đang sử dụng tại xóm 6, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 145894 ngày 12/4/1995 của UBND huyện Y cấp cho ông Trần Thượng H2 là thửa 861), như sau:

- Chia cho ông Trần Thượng H1, Trần Thượng H3, Trần Thượng S và Trần Thượng D được quyền sử dụng chung phần đất có diện tích 280m^2. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường quốc lộ 7B; Phía Bắc giáp phần đất chia cho ông Trần Thượng H2 và bà Vương Thị X; Phía Tây, phía Nam giáp đường nội bộ (Kích thước và độ dài các cạnh của S1= 280m^2 như sơ đồ kèm theo).

- Chia cho ông Trần Thượng H2 và bà Vương Thị X được quyền sử dụng chung phần đất có diện tích 471m^2. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường quốc lộ 7B; Phía Bắc giáp thửa đất số 64; Phía Tây giáp đường nội bộ; Phía Nam giáp phần đất chia cho ông Trần Thượng H1, Trần Thượng H3, Trần Thượng D và Trần Thượng S (Kích thước và độ dài các cạnh của S2 = 471m^2 như sơ đồ kèm theo).

2.2. Về ngôi nhà thờ họ Trần Thượng chi 3 trên thửa đất tranh chấp các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Trên phần đất chia cho các ông Trần Thượng H1, Trần Thượng H3, Trần Thượng D và Trần Thượng S có 03 ki ốt do ông Trần Thượng H2 và bà Vương Thị X xây dựng. Ông Trần Thượng H2 và bà Vương Thị X có quyền sử dụng 02 ki ốt cho đến khi ông H2, bà X qua đời. Sau khi ông H2, bà X qua đời thì các con ông H2 và bà X phải tháo dỡ ốt trả lại đất cho các ông H1, ông S, ông H3, ông D1. Còn 01 ki ốt các ông Trần Thượng H1, Trần Thượng H3, Trần Thượng S

và Trần Thượng D được phá dỡ để làm cổng đi vào nhà thờ họ Trần Thượng chi 3. Việc phá dỡ ốt nào do các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Đối với 04 ki ốt ông Trần Thượng H2 và bà Vương Thị X đang cho thuê trên thửa đất tranh chấp các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

3. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

3.1. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Ông Trần Thượng H1 chấp nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông H1 đã nộp đầy đủ.

3.2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu tiền án phí, Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Thượng H2, ông Trần Thượng H1, Trần Thượng H3, Trần Thượng S và Trần Thượng D.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An.*
- *Cục THADS tỉnh Nghệ An;*
- *Người bảo vệ QLIHP của đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Thị Thu Từ